

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HS-PT
Ngày 24-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Nguyễn Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Hải -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 24-11-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai Vụ án Hình sự thụ lý số 96/2017/HSPT ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Thị Ngọc M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo:

Thị Ngọc M, sinh năm 1992 tại Bình Phước; Nơi cư trú (HKTT, chỗ ở hiện nay): tổ 1, ấp S, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: STiêng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều X và bà Thị L; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại kháng cáo:

Thị T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: tổ 3, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Thị Ngọc M có quan hệ họ hàng, thường xuyên đến nhà chị Thị T chơi và nhiều lần nhìn thấy chị T lấy trang sức trong tủ ra đeo nên Thị Ngọc M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 17 giờ ngày 04/6/2016, Thị Ngọc M điều khiển xe mô tô biển số 93C1-085.03 đến nhà bà Thị Tr (mẹ chị T), khi đến nơi, do thấy bà Tr ở ngoài nên M đi vào phòng ngủ của chị T, lấy chìa khóa mà M mang theo mở cánh tủ bên trái của tủ sắt thì phát hiện 01 giỏ xách màu trắng bên trong có 01 áo len và 01 bịch nylon màu đen, bên trong bịch nylon có 01 hộp nhựa có đựng 01 lắc đeo tay vàng 18k, 02 đôi bông tai vàng 18k và 04 chiếc nhẫn vàng 18k, M lấy toàn bộ số tài sản trên và mang bán tại tiệm vàng Kim Lan được số tiền 5.257.000đ.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 18/6/2016, M tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 93C1-085.03 chở theo Thị Kim D (có quan hệ họ hàng với M và chị T) đến nhà bà Tr có ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến nhà bà Tr, M thấy mấy người con của bà Tr đang ngồi uống rượu, bà Tr đang nấu thức ăn dưới bếp, lợi dụng không có ai quan sát, mai đã lên đi vào phòng ngủ của chị T sử dụng chìa khóa mang theo sẵn từ trước mở cửa tủ và lấy 01 dây chuyền vàng 18k, 01 lắc vàng 18k, sau đó M giấu số vàng lấy được bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô chở D về nhà.

Sau đó biết chị T bị mất vàng, anh Điều L đã đến nhà M thì L nhìn thấy trong túi quần của M có vật gì đó nên yêu cầu M cho xem. Lúc này M thừa nhận với anh L là M trộm tài sản của chị T và đến Công an xã T đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 631/KL-HĐĐGTTTHS ngày 21/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, tỉnh Bình Phước kết luận: 01 lắc vàng đeo tay trọng lượng 02 chỉ, 02 đôi bông tai vàng trọng lượng 01 chỉ và 04 nhẫn vàng trọng lượng 0,8 chỉ loại vàng 18k của chị T đã bị mai chiếm đoạt vào ngày 04/6/2016 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 9.500.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 630/KL-HĐĐGTTTHS ngày 21/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện h, tỉnh Bình Phước kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 01 chỉ 04 phân 01 ly và 01 lắc vàng trọng lượng 01 phân 09 ly loại vàng 18k có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.975.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước quyết định:

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Thị Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Thị Ngọc M 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 8 năm 2017, bị cáo Thị Ngọc M và người bị hại Thị T kháng cáo yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Người bị hại Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm: hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của chị T trị giá 13.475.000đ đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Bị cáo có hai lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy rằng: Tuy bị cáo có tình tiết tăng nặng nhưng có hoàn cảnh gia đình khó khăn đặc biệt mẹ bị cáo bị ung thư, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả. Đối chiếu với Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của người bị hại, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do cần tiền tiêu xài cá nhân và lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chị Thị T nên vào khoảng 17 giờ ngày 04/6/2016, bị cáo Thị Ngọc M lén lút vào phòng ngủ của chị T và sử dụng chìa khóa mang theo mở cánh tủ bên trái của tủ sắt chiếm đoạt của chị T 01 lắc đeo tay vàng 18k, 02 đôi bông tai vàng 18k và 04 chiếc nhẫn vàng 18k. Tiếp đến khoảng 17 giờ ngày 18/6/2016, bằng thủ đoạn tương tự, bị cáo M đã lén đi vào phòng ngủ của chị T sử dụng chìa khóa mang theo sẵn từ trước mở cửa tủ và lấy 01 dây chuyền vàng 18k, 01 lắc vàng 18k. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.475.000đ.

[2] Quá trình điều tra, xét xử bị cáo Thị Ngọc M khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên và thừa nhận chính bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 lắc đeo tay vàng 18k, 02 đôi bông tai vàng 18k và 04 chiếc nhẫn vàng 18k, 01 dây chuyền vàng 18k, 01 lắc vàng 18k của người bị hại. Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đồng thời phù hợp tất cả các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, do

đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được rằng việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng mong muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải lao động để thỏa mãn tiêu xài cá nhân nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ngoài ra còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại xin cho bị cáo hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng cho bị cáo các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ như: bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hay vi phạm pháp luật, bị cáo là người dân tộc thiểu số có nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét, cần áp dụng thêm cho bị cáo. Xét tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đối chiếu với Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại, sửa án sơ thẩm, áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phúc thẩm đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại, cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thị Ngọc M và người bị hại Thị T về việc cho bị cáo được hưởng án treo.

[2]. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

Tuyên bố bị cáo Thị Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, Điều 60 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Thị Ngọc M 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (24/11/2017).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Thị Ngọc M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

[3] Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003.

Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Tòa án nhân dân huyện H;
- VKSND, CA huyện H
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao;
- Bị cáo; Người bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Hoàng Minh Thịnh
Đã ký